

PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THỂ MẠNH, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VỮNG CHẮC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGUYỄN PHONG QUANG*

Là vùng có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế nông nghiệp, có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ hàng hóa lớn,... nhiều năm qua, đồng bằng sông Cửu Long đã vươn lên trở thành vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng của cả nước. Tuy nhiên, đồng bằng sông Cửu Long cũng đang đối diện với nhiều thách thức, nguy cơ, đòi hỏi phải thực hiện những giải pháp đồng bộ, khả thi để phát huy tối ưu những tiềm năng, thể mạnh, tiếp tục phát triển mạnh mẽ và vững chắc trong thời gian tới.

Diện mạo mới của đồng bằng sông Cửu Long

Xác định được tiềm năng, thể mạnh và vai trò của đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đối với sự phát triển chung của cả nước, từ năm 2001 đến nay, với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ; nỗ lực thực hiện của các bộ, ban, ngành Trung ương, các địa phương, nhân dân trong vùng và tham mưu của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ trong thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị "Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001 - 2010" và các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, vùng ĐBSCL đã đạt được những thành tựu khá

toàn diện, to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng, tạo tiền đề thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng trong những năm tiếp theo.

Thành tựu nổi bật giai đoạn 2001 - 2011
- Kinh tế các tỉnh, thành vùng ĐBSCL phát triển khá nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, hiệu quả sản xuất ngày càng được nâng cao, tổ chức huy động tốt các nguồn lực đầu tư; môi trường đầu tư được cải thiện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2001 - 2011 đạt trên 11%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực II, khu vực III, giảm tỷ trọng khu vực I. Tính đến năm 2011, thu nhập bình quân đầu người đạt

* Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ

Trong những năm qua, kinh tế vùng ĐBSCL phát triển nhưng thiếu tính vững chắc, chủ yếu theo chiều rộng; nhiều tiềm năng, lợi thế chưa được khai thác đúng lúc, đúng tầm; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp. Nông nghiệp có lợi thế, nhưng công tác quy hoạch cụ thể chuyên ngành, như sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản, trồng cây ăn trái... thực hiện chậm; chưa khai thác tốt tiềm năng và đạt hiệu quả các mặt hàng nông sản chủ lực, chưa tạo được nhiều thương hiệu mạnh. Việc đầu tư và ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp tuy được quan tâm nhưng chưa thực sự tạo ra giá trị gia tăng cao; chưa thực hiện tốt liên kết vùng và liên kết "4 nhà" trong lĩnh vực nông nghiệp.

trên 26,5 triệu đồng, tăng hơn gấp 3 lần so với năm 2001; kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 11,12 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 8,07 tỷ USD, tốc độ tăng bình quân hàng năm trên 18%; thu ngân sách đạt 31.013 tỷ đồng; huy động vốn đầu tư đạt 800 ngàn tỷ đồng, trong đó vốn doanh nghiệp và xã hội chiếm gần 80%.

- Nông, lâm, ngư nghiệp phát triển mạnh với năng suất, chất lượng ngày càng cao. Vùng sản xuất tập trung, chuyên canh từng bước được hình thành, phát huy lợi thế một số sản phẩm chủ lực của vùng, như lúa gạo, thủy sản, trái cây. Sản lượng các mặt hàng nông sản xuất khẩu tăng nhanh. Giá trị sản xuất toàn ngành tăng từ 56.292 tỷ đồng lên trên 100.000 tỷ đồng năm 2011 (theo giá so sánh năm 1994), đạt mức tăng trưởng bình quân khoảng 7%/năm; tăng lợi nhuận sản xuất nông nghiệp lên gần 40 triệu đồng/ha đất.

Hàng năm, toàn vùng xuất khẩu trên 6 triệu tấn gạo, đạt kim ngạch trên 3 tỷ USD. Diện tích trồng cây ăn trái phát triển nhanh, đến cuối năm 2011 có hơn 400.000 ha cây ăn trái, đạt sản lượng 3,5 triệu tấn. Diện tích nuôi trồng thủy sản tăng lên 736.400 ha, sản lượng đạt 2,1 triệu tấn. Đến nay, đã hình thành một số mô hình tập trung chuyên canh lúa, cây ăn trái, thủy sản, tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, tăng lợi thế cạnh tranh trên thương trường. Bước đầu đã xây dựng được một số mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản.

Kinh tế biển phát triển dần theo chiều sâu, chuyển từ khai thác gần bờ sang chủ động nuôi trồng, khai thác xa bờ, số thuyền có công suất lớn tăng nhanh; kết cấu hạ tầng và dịch vụ kinh tế biển, nhất là dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản, du lịch, khai thác tài nguyên và các nguồn lợi từ biển, được quan tâm đầu tư, gắn với bảo vệ chủ quyền, biên giới biển, đảo.

- Công nghiệp phát triển theo hướng khai thác các thế mạnh của vùng về công nghiệp chế biến nông sản, bước đầu phát huy lợi thế về công nghiệp dầu khí, năng lượng, nhiệt điện và cơ khí. Công nghiệp chế biến phát triển mạnh, góp phần tăng tỷ trọng của ngành đạt 26% trong cơ cấu kinh tế. Chế biến thủy sản phát triển nhanh với hơn 60 mặt hàng, chiếm trên 50% khối lượng và giá trị xuất khẩu. Một số mô hình cơ khí phục vụ cho canh tác, chế biến nông, thủy, hải sản từng bước được hình thành. Một số ngành công nghiệp, như năng lượng, hóa chất, dược phẩm có bước phát triển khá.

- Thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển khá nhanh. Hoạt động xúc tiến thương mại giữa các tỉnh trong vùng và nước bạn Cam-pu-chia ngày càng phát triển. Các dịch vụ tài chính, tiền tệ, tư vấn... được các địa phương quan tâm đầu tư và phát triển. Kết cấu hạ tầng bưu chính viễn thông

được đầu tư xây dựng rộng khắp từ đô thị đến tận vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Các tỉnh, thành trong vùng ngày càng chú trọng liên kết chặt chẽ với Thành phố Hồ Chí Minh và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong việc khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế vùng sông nước, phát triển ngày càng đa dạng và phong phú các loại hình du lịch. Cơ sở vật chất phục vụ du lịch được chú trọng đầu tư, nâng cấp.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng có bước đột phá, kết cấu hạ tầng giao thông cơ bản đã được hình thành, gắn kết với thủy lợi. Toàn vùng cơ bản hoàn thành mục tiêu xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ; các đô thị được đầu tư, nâng cấp. Kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi phát triển, gắn kết giao thông liên vùng, góp phần làm thay đổi nhanh diện mạo đô thị, nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bước đầu đáp ứng nhu cầu đầu tư, phát triển và bảo đảm an sinh xã hội. Trong 10 năm qua, toàn vùng đã xây dựng mới trên 10 tuyến quốc lộ với tổng chiều dài hơn 2.500 km, gần 70 tuyến tỉnh lộ, mở mới 9.117 km đường, nâng cấp 23.218 km đường giao thông các loại, xây dựng 11.453 cầu, kết nối với hệ thống quốc lộ. Song song với việc đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, thời gian qua ĐBSCL cũng quan tâm đầu tư xây dựng cụm, tuyến dân cư, nhà ở vùng ngập sâu và xây dựng, phát triển đô thị. Đến nay, nhiều cụm dân cư đã phát triển thành đô thị nông thôn mới, góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, giúp ổn cư cho các hộ dân vùng ngập sâu. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hệ thống điện, cấp thoát nước ở các thành phố, thị xã, thị trấn phát triển khá nhanh.

- Công tác giáo dục - đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến

bộ. Đời sống nhân dân, nhất là của đồng bào dân tộc Khmer, Chăm được cải thiện. Toàn vùng đã thành lập mới và mở rộng, nâng cấp nhiều trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề, nâng tổng số trường hiện có là 6.794 trường, trong đó có 910 trường đạt chuẩn quốc gia và Trường Đại học Cần Thơ trở thành trường đại học trọng điểm của vùng. Mạng lưới trường, lớp từ mầm non đến phổ thông phát triển rộng khắp các địa bàn dân cư; cơ sở vật chất trường, lớp được chú trọng đầu tư; đội ngũ giáo viên, học sinh tăng nhanh. Các tỉnh có đông đồng bào dân tộc Khmer đều có trường dân tộc nội trú. Công tác dạy nghề ngày càng gắn với giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, xóa đói, giảm nghèo, đáp ứng nhu cầu lao động xã hội.

- Mạng lưới y tế được tăng cường và mở rộng; cơ sở vật chất của các bệnh viện tỉnh, huyện, trạm y tế xã được quan tâm đầu tư, chất lượng khám, chữa bệnh ngày càng được nâng lên. Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ phục vụ chiếm 71%, đạt 5,7 bác sĩ/vạn dân. Chủ trương xã hội hoá trong lĩnh vực y tế đã thu hút sự tham gia tích cực của cộng đồng. Hiện toàn vùng có trên 10 bệnh viện đa khoa tư nhân hoạt động. Công tác y tế dự phòng đã không chểnh mảng nhiều loại dịch bệnh.

- Hoạt động văn hóa - xã hội được tổ chức với nhiều hình thức, nội dung phong phú. Công tác đền ơn đáp nghĩa, xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội đạt yêu cầu, đúng đối tượng. Tỷ lệ hộ nghèo toàn vùng tính đến năm 2011 còn 10,14% (cả nước là 11,76%). Giải quyết việc làm đạt bình quân trên 330.000 lao động/năm. Tỷ lệ của dân nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh đạt trên 87%. Thông qua các hình thức vận động, nhiều tỉnh, như Hậu Giang, Trà Vinh, Cà Mau, An Giang, Đồng Tháp,

Bến Tre, Kiên Giang... đã huy động nguồn lực từ cộng đồng xã hội hàng ngàn tỷ đồng để giải quyết các vấn đề an sinh xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thực trạng kinh tế - xã hội của vùng ĐBSCL vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, nhiều mặt chưa tiến kịp so với mặt bằng chung của cả nước và đang phải đối diện với những nguy cơ, thách thức mới. Đó là:

- Kinh tế phát triển nhưng thiếu tính vững chắc, chủ yếu theo chiều rộng; nhiều tiềm năng, lợi thế của vùng chưa được khai thác đúng lúc, đúng tầm; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, yếu tố rủi ro cao. Nông nghiệp tuy có lợi thế, nhưng công tác quy hoạch cụ thể chuyên ngành, như sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản, trồng cây ăn trái... thực hiện chậm; chưa khai thác tốt tiềm năng và chưa tạo được nhiều thương hiệu mạnh đối với các mặt hàng nông sản chủ lực, kinh tế mũi nhọn của vùng. Nền kinh tế nông nghiệp quy mô nhỏ, rủi ro cao, bị đe dọa bởi tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Việc đầu tư và ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp chưa thực sự tạo ra giá trị gia tăng cao. Liên kết vùng và liên kết "4 nhà" trong lĩnh vực nông nghiệp chưa được thực hiện tốt.

- Quy mô công nghiệp nhỏ, hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng thấp, chủ yếu là công nghiệp địa phương; công nghiệp chế tác, cơ khí phục vụ nông nghiệp và công nghiệp công nghệ cao chưa phát triển. Các doanh nghiệp trong vùng hầu hết là doanh nghiệp nhỏ và vừa (chiếm khoảng 80%). Tỷ trọng công nghiệp trong GDP của vùng còn thấp. Thu hút đầu tư chưa nhiều, nhất là đầu tư nước ngoài.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi chưa hoàn chỉnh, đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Một số công trình trọng điểm về giao thông, như cầu

Vàm Cống, tuyến đường cao tốc Trung Lương - Cần Thơ, tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Mỹ Tho,... chậm được triển khai xây dựng.

Giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa - xã hội còn nhiều hạn chế, yếu kém. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đạt yêu cầu, các chỉ số giáo dục - đào tạo và dạy nghề trong vùng còn thấp. Trang thiết bị giảng dạy thiếu, lạc hậu, giáo viên dạy nghề thiếu về số lượng, chất lượng đào tạo chưa cao, chủ yếu là dạy nghề ngắn hạn; thiếu cơ sở đào tạo lao động kỹ thuật cao.

Nguyên nhân hạn chế, yếu kém:

- Về khách quan, nội lực của vùng còn hạn chế do xuất phát điểm hạ tầng kinh tế - xã hội, chất lượng nguồn nhân lực thấp; năng lực và trình độ quản lý, điều hành nền kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao. Thời tiết bất thường, dịch bệnh xảy ra thường xuyên; khủng hoảng kinh tế, tài chính trên thế giới ảnh hưởng đến kinh tế đất nước, trong đó có vùng ĐBSCL.

- Về chủ quan, một số bộ, ngành và địa phương chưa quan tâm phối hợp thường xuyên, thiếu giải pháp cụ thể, chậm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn. Sự phối hợp giữa các tỉnh, thành trong vùng chưa tạo thế liên kết vùng; liên kết ngành, liên kết "4 nhà" còn phân tán, kém hiệu quả.

Nguồn lực đầu tư chưa tương xứng với quyết tâm chính trị; nhiều công trình đã được xác định cần tập trung thực hiện nhưng đến nay chưa triển khai xây dựng; một số công trình triển khai chậm, thiếu tập trung. Chất lượng phê duyệt dự án thấp, phải điều chỉnh tổng mức đầu tư, thiết kế làm chậm thời gian thực hiện. Một số địa phương chưa quan tâm đầy đủ đến việc huy động các nguồn lực khác để đầu tư phát triển; thu hút vốn FDI, ODA chưa đáp ứng yêu cầu.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng chậm, quy hoạch ngành, lĩnh vực thiếu đồng bộ và tính khả thi chưa cao. Cơ chế, chính sách phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng ĐBSCL chưa đồng bộ, có mặt chưa phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ của vùng. Chưa có cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư vào vùng, nhất là vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL, để làm đầu tàu lôi kéo và thúc đẩy các nơi khác và đầu tư cho các địa phương còn nhiều khó khăn để thu hẹp khoảng cách. Nhà nước chưa có chính sách đồng bộ bảo hộ cho nông dân ĐBSCL sản xuất nông nghiệp.

Tạo động lực mới để đồng bằng sông Cửu Long phát triển vững chắc

Theo Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị "Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2011 - 2020", một trong những phương hướng, mục tiêu lớn phát triển vùng ĐBSCL đã được xác định là:

Xây dựng và phát triển vùng ĐBSCL thành vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, phát triển công nghiệp chế biến và công nghiệp phụ trợ cho nông nghiệp với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững. Phát triển kinh tế biển. Xây dựng ngành thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn của quốc gia có quy mô lớn, hiện đại, sức cạnh tranh cao. Phát triển mạnh dịch vụ - du lịch thành ngành kinh tế then chốt của vùng...

Phấn đấu đạt các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Tăng trưởng kinh tế đạt 7,7%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 8,6%/năm giai đoạn 2016 - 2020. GDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt khoảng 57,9 triệu đồng, tương đương

Để bảo đảm cho vùng ĐBSCL phát triển mạnh và bền vững, một trong những nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới là tập trung khai thác, phát huy tối ưu tiềm năng, lợi thế của từng địa phương và cả vùng; phát triển hiệu quả, toàn diện các khu vực đồng bằng, ven biển và phát triển mạnh kinh tế biển; tập trung hoàn thiện và chỉ đạo chặt chẽ quy hoạch sản xuất nông nghiệp, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là giao thông vận tải, thủy lợi, thủy sản, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế... Song song đó, chú trọng mở rộng hợp tác, liên kết giữa các tỉnh, thành trong vùng; giữa ĐBSCL với Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh và các nước trong khu vực ASEAN để phát huy đối đa các tiềm năng, lợi thế của vùng.

2.750 USD - 2.850 USD. Đến năm 2015, phần đầu tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP của vùng là 36,7%, công nghiệp, xây dựng là 30,4%; dịch vụ là 32,9%; đến năm 2020 đạt tỷ trọng tương ứng là 30,5% - 35,6% - 33,9%.

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, thời gian tới các bộ, ban, ngành Trung ương và các địa phương trong vùng cần quan tâm thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp sau:

Một là, khai thác, phát huy tối ưu tiềm năng, lợi thế của từng địa phương và cả vùng, phát triển hiệu quả, toàn diện các khu vực đồng bằng, ven biển và phát triển mạnh kinh tế biển; tập trung hoàn thiện và chỉ đạo chặt chẽ quy hoạch sản xuất nông nghiệp, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, thống nhất của từng ngành, từng địa phương trong toàn vùng, nhất là giao thông vận tải, thủy lợi, thủy sản, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, bảo đảm tiết kiệm được nguồn lực và hiệu quả về kinh tế.

Hai là, tập trung đầu tư ứng dụng khoa học - công nghệ cao làm nền tảng để phát triển toàn diện kinh tế vùng nông thôn, bao gồm kinh tế hợp tác, phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, phân phối lưu thông, cả về thị trường, nguyên liệu đầu vào cho công nghiệp chế biến và cung ứng dịch vụ cho cộng đồng xã hội; tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu. Xây dựng và phát triển mô hình làng, xã theo tiêu chí nông thôn mới.

Ba là, tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Ưu tiên tập trung cho hệ thống giao thông huyết mạch liên vùng đối với giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không và hệ thống các cảng biển. Quan tâm đầu tư hệ thống đê biển, đê sông, thủy lợi bảo đảm kiểm soát lũ, cấp nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ dân cư và thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Triển khai xây dựng các công trình đê kè ngăn mặn, chống nước biển dâng ở Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu, Hậu Giang, Bến Tre; kè đê ngăn lũ ở Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang và các tỉnh trong vùng; các nhà máy nhiệt điện, khí thiên nhiên và trung tâm điện lực các địa phương; đầu tư phát triển đô thị, kết cấu hạ tầng giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa thể thao, du lịch, môi trường... Xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ của cả vùng.

Bốn là, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực theo các mô hình phù hợp, nhằm xây

dựng nguồn nhân lực trẻ, năng động, hiện đại có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của từng địa bàn cụ thể. Phát triển mạng lưới y tế, nhất là tại cơ sở; triển khai thực hiện tốt chiến lược quốc gia chăm sóc sức khỏe sinh sản; hoàn thiện mạng lưới khám, chữa bệnh phù hợp với điều kiện địa lý và địa bàn dân cư, chú trọng vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng sâu, vùng xa.

Năm là, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, tạo việc làm, giảm chênh lệch về phát triển xã hội giữa các khu vực; giữa dân tộc Kinh và đồng bào các dân tộc thiểu số.

Sáu là, phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, khai thác tiết kiệm, sử dụng hiệu quả tài nguyên, có các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các tác động tiêu cực về môi trường từ thượng nguồn sông Mê Kông, bảo đảm phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Bảy là, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng phát triển toàn diện trên 3 lĩnh vực: công nghiệp, nông nghiệp và thương mại - dịch vụ phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của vùng ĐBSCL.

Tám là, mở rộng hợp tác liên kết giữa các tỉnh, thành trong vùng; giữa ĐBSCL với Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh và các nước trong khu vực ASEAN để phát huy đối đa các tiềm năng, lợi thế của vùng trong phát triển công nghiệp, nông nghiệp, giáo dục - đào tạo, y tế, du lịch, nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ, cung cấp lao động.

Chín là, tập trung nguồn lực, tiếp tục nghiên cứu xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách riêng, đặc thù cho từng lĩnh vực cụ thể trong vùng ĐBSCL. □